TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13/8/2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tuyến và bà Triệu Thị Yên.

Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Hà Phúc T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn NB, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (trước là thôn NB, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang) vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Chị Triệu Thị T1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn NB, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (trước là thôn NB, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang) vắng mặt lần 02 không có lý do, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2025, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hà Phúc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Hà Phúc T và chị Triệu Thị T1 được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên

Quang vào năm 2008. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức cưới hỏi theo P tục tập quán tại địa phương, sau khi kết hôn anh T và chị T1 chung sống tại thôn NB, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn, cho đến năm 2020 thì giữa anh T và chị T1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh T cho rằng do chị T1 đi làm công nhân tại tỉnh Thái Nguyên không chăm lo chăm sóc gia đình, không quan tâm đến chồng con, ngoài ra giữa anh T, chị T1 có mâu thuẫn về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc dần dần vợ chồng lạnh nhạt với nhau và anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa. Anh T xác định tình cảm giữa anh T và chị T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Triệu Thị T1.

Về con chung: Anh Hà Phúc T và chị Triệu Thị T1 có 03 con chung là cháu Hà Phúc P, sinh ngày 16/02/2010; cháu Hà Phúc T2, sinh ngày 23/9/2012 và cháu Triệu Hoàng Minh K, sinh ngày 16/9/2021. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P và cháu T2, còn cháu K hiện nay đang ở với chị T1 nên chị T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh và chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Triệu Thị T1 mặc dù đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T1 vẫn không có mặt nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của chị T1.

Qua xác minh tại địa phương xác định hiện nay chị Triệu Thị T1, sinh năm 1991 có đăng ký thường trú tại thôn NB, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo thông tin bà Hứa Thị N (mẹ đẻ chị Triệu Thị T1) cung cấp như sau: Chị Triệu Thị T1 và anh Hà Phúc T qua tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang) vào năm 2008. Sau khi kết hôn anh T và chị T1 sống cùng nhau tại thôn NB, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn bà N cho rằng do chị T1 đi làm ăn xa và chị T1 có con nhỏ nên ít khi về nhà, anh T và chị T1 đã sống ly thân từ khoảng năm 2021 cho đến nay, hiện không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà N xác định chị T1 hiện nay đang làm ở tỉnh Thái Nguyên còn địa chỉ cụ thể thì bà N không nắm được, thỉnh thoảng chị T1 vẫn về thăm gia đình bà N vào dịp lễ, tết, bà N cũng thường

xuyên liên lạc với chị T1, bà N đã thông tin cho chị T1 biết việc anh T xin ly hôn tuy nhiên do chị T1 bận công việc, con nhỏ nên không về giải quyết vụ án được. Về con chung: Anh T và chị T1 có 03 con chung là cháu Hà Phúc P, sinh ngày 16/02/2010; cháu Hà Phúc T2, sinh ngày 23/9/2012 và cháu Triệu Hoàng Minh K, sinh ngày 16/9/2021. Hiện nay cháu P và cháu T2 đang sống cùng anh T, còn cháu K đang sống cùng chị T1.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 29/5/2025 cháu Hà Phúc P và cháu Hà Phúc T2 cùng trình bày sau khi anh Hà Phúc T và chị Triệu Thị T1 ly hôn đều có nguyện vọng mong muốn được bố trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Phúc T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong quá trình giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bị đơn chị Triệu Thị T1 vắng mặt, không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hà Phúc T, cho anh Hà Phúc T được ly hôn chị Triệu Thị T1. Về con chung: Giao cháu Hà Phúc P, sinh ngày 16/02/2010 và cháu Hà Phúc T2, sinh ngày 23/9/2012 cho anh Hà Phúc T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Triệu Hoàng Minh K, sinh ngày 16/9/2021 cho chị Triệu Thị T1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện nay cháu K đang sống cùng với chị T1 tại tỉnh T2 Nguyên), chị T1 và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không có, không đề nghị xem xét. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh Hà Phúc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Triệu Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hà Phúc T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Triệu Thị T1; chị Triệu Thị T1 có đăng ký thường trú tại thôn NB, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

Theo cung cấp của Công an xã XQ (nay là xã Chiêm Hóa), tỉnh Tuyên Quang thì chị Triệu Thị T1 có đăng ký thường trú tại thôn NB, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị T1 đi làm xa nhà nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị T1 đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị T1 đến Tòa án để làm việc nhưng chị T1 vắng mặt không có lý do, chị T1 đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Phúc T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Triệu Thị T1 vắng mặt không có lý do, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Phúc T và chị Triệu Thị T1 là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 54 ngày 26/12/2008. Sau khi đăng ký kết hôn, anh T và chị T1 chung sống tại thôn NB, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh T cho rằng do chị T1 đi làm công nhân tại tỉnh Thái Nguyên, chị T1 không quan tâm chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến chồng con, ngoài ra có mâu thuẫn về quan điểm sống. Anh T và chị T1 đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T1 đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, yêu cầu Tòa án cho anh T được ly hôn với chị T1. Chị Triệu Thị T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T1 vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án, nên không có ý kiến trình bày.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T1 là thực tế, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T1 thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị T1.

[2.2] Về con chung: Anh Hà Phúc T và chị Triệu Thị T1 có 03 con chung là cháu Hà Phúc P, sinh ngày 16/02/2010; cháu Hà Phúc T2, sinh ngày 23/9/2012 và cháu Triệu Hoàng Minh K, sinh ngày 16/9/2021. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu P và cháu T2, còn cháu K đang sống cùng chị T1 nên giao cháu K cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T và chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử giao cháu Hà Phúc P và cháu Hà Phúc T2 cho anh Hà Phúc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu K cho chị Triệu Thị T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T1 và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Hà Phúc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Triệu Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Hà Phúc T, cho anh Hà Phúc T được ly hôn chị Triệu Thị T1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 54, ngày 26/12/2008 của UBND xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang - nay là UBND xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Hà Phúc P, sinh ngày 16/02/2010 và cháu Hà Phúc T2, sinh ngày 23/9/2012 cho anh Hà Phúc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Triệu Hoàng Minh K, sinh ngày 16/9/2021 cho chị Triệu Thị T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T và chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Hà Phúc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000866 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, anh Hà Phúc T đã nộp đủ tiền án phí. Chị Triệu Thị T1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 2 - Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiêm Hóa (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh